

Số: 30 /BC-THNL

Thanh yên, ngày 21 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Noong Luống

Noong Luống Primary School

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử.

Địa chỉ trụ sở chính: Bản Huổi Phúc Noong Luống – xã Thanh Yên – tỉnh Điện Biên.

Địa điểm trường A1: Thôn Đại Thành Noong Luống – xã Thanh Yên – tỉnh Điện Biên.

Địa điểm trường Noong Luống: Bản Noong Luống Noong Luống – xã Thanh Yên – tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0978628869

Email: thnoongluong1@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <https://thnoongluong.huyendienbien.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập.

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng:

Cung cấp một môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho học sinh.

Giúp học sinh phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng, đạo đức và tình cảm.

Chuẩn bị nền tảng vững chắc cho học sinh tiếp tục học tập ở bậc trung học cơ sở.

4.2. Tầm nhìn:

Trở thành một trường tiểu học uy tín trong khu vực, cung cấp chất lượng giáo dục tốt nhất.

Giáo dục các em học sinh trở thành công dân toàn diện, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

Thúc đẩy sự sáng tạo, khám phá và học tập chủ động của học sinh.

4.3. Mục tiêu:

Cung cấp chương trình giảng dạy cân bằng, hiện đại và liên quan đến cuộc sống.

Xây dựng môi trường học tập tích cực, thân thiện và hỗ trợ sự phát triển của mỗi học sinh.

Trang bị cho học sinh những kỹ năng cần thiết như giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy phê phán và học tập suốt đời.

Khuyến khích sự tham gia tích cực của cha mẹ và cộng đồng vào việc giáo dục các em.

Liên tục cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập thông qua nghiên cứu và đào tạo giáo viên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Lịch sử hình thành:

Trường Tiểu học Noong Luống được đổi tên từ trường Tiểu học xã Noong Luống theo Quyết định số 247/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên.

Mục tiêu của nhà trường là giáo dục con em các dân tộc Noong Luống xã Thanh Yên có đủ đức, đủ tài để sau này phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong những năm qua nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung của toàn huyện, luôn đưa mục tiêu đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục lên hàng đầu. Đã có nhiều cô giáo đạt giải cao trong các kì thi giáo viên giỏi các cấp. Cán bộ quản lý được đánh giá có năng lực, chuyên môn vững vàng.

Với quyết tâm phấn đấu của thầy và trò trường Tiểu học Noong Luống xã Thanh Yên, nhiều năm qua nhà trường luôn đạt tập thể lao động Xuất sắc được UBND tỉnh tặng Bằng khen; Chi bộ nhà trường liên tục là chi bộ trong sạch vững mạnh được Đảng ủy Noong Luống xã Thanh Yên tặng giấy khen nhiều năm. Nhiều cá nhân hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ được UBND tỉnh tặng Bằng khen, UBND huyện tặng Giấy khen.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 Trường tiểu học Noong Luống xã Thanh Yên được Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên ra Quyết định số: 171/QĐ-SGDĐT Về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho các trường mầm non, trường phổ thông năm học 2024-2025 và công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Trường tiểu học Noong Luống xã Thanh Yên đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 năm 2014; Xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ 2 năm 2015. Cùng với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ nghiệp vụ quản lý và chuyên môn vững vàng luôn tâm huyết với nghề, nghiêm túc chấp hành quy chế chuyên môn, sáng tạo trong công việc là nền tảng vững chắc góp phần to lớn cho sự phát triển mạnh mẽ của nhà trường cũng như của địa phương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Trần Quang Ngự

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Noong Luống - xã Thanh Yên – tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0978628869

Email: tranngu75@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Noong Luống được đổi tên từ trường Tiểu học xã Noong Luống theo Quyết định số 247/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường

Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên V/v thành lập Hội đồng trường tiểu học Noong Luống nhiệm kỳ 2021-2026;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Thanh Yên về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý. Điều động và bổ nhiệm ông Trần Quang Ngư - Hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Noong Luống (*trước khi đổi tên*) giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Noong Luống (*sau khi đổi tên*) kể từ ngày 30/8/2025.

Thời hạn giữ chức vụ: Từ ngày được bổ nhiệm đến ngày 05/9/2028

Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Thanh Yên về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý. Điều động và bổ nhiệm bà Đặng Thị Tâm – Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Noong Luống (*trước khi đổi tên*) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Noong Luống (*sau khi đổi tên*) kể từ ngày 30/8/2025.

Thời hạn giữ chức vụ: Từ ngày được bổ nhiệm đến ngày 05/9/2028

Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Thanh Yên về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý. Điều động và bổ nhiệm bà Trần Thị Thu Hiền – Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Noong Luống (*trước khi đổi tên*) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Noong Luống (*sau khi đổi tên*) kể từ ngày 30/8/2025.

Thời hạn giữ chức vụ: Từ ngày được bổ nhiệm đến ngày 05/9/2028

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Cơ cấu tổ chức:

Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Hội đồng trường: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, đại diện giáo viên, phụ huynh học sinh, đại diện địa phương

Tổ chuyên môn: Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5, Tổ hành chính.

Chức năng:

Thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo trẻ em ở độ tuổi tiểu học.

Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện để hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho học sinh.

Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục quốc gia.

Nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng giáo dục.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh.

Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quyền hạn:

Quyết định tổ chức, hoạt động của nhà trường theo quy định.

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tài chính được giao.

Quyết định công tác tổ chức cán bộ, nhân sự của nhà trường.

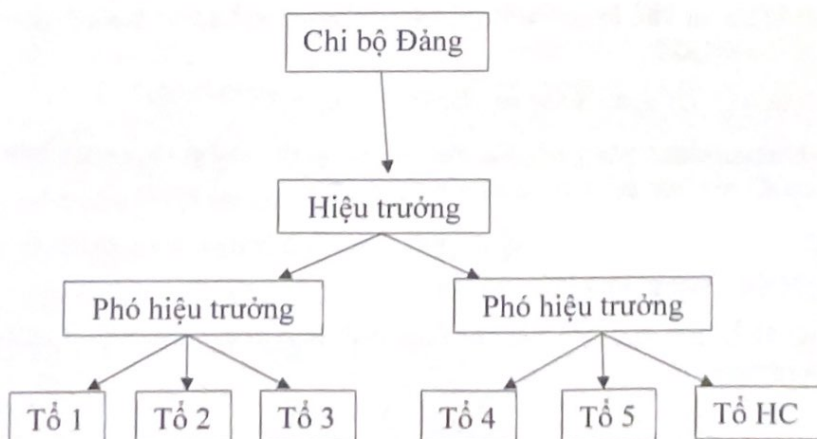
Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế.

Khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục và triển khai các biện pháp cải thiện chất lượng.

Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

1.1. Thống kê theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo, đạt chuẩn nghề nghiệp.

TT	Đội ngũ CBQL, GV	Số lượng	Trình độ			Chuẩn nghề nghiệp		
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Tốt	Khá	Đạt
1	VTVL lãnh đạo quản lý	3	2	1		3		
	Hiệu trưởng	1	1			1		
	Phó hiệu trưởng	2	1	1		2		
2	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	28	0	27	1	12	16	
	Giáo viên tiểu học hạng I	0	0	0	0	0	0	
	Giáo viên tiểu học hạng II	18	0	18	0	10	8	
	Giáo viên tiểu học hạng III	10	0	9	1	2	8	
	Giáo viên tiểu học hạng IV							
3	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung							
	Thư viện viên hạng IV	1		1				
	Kế toán viên	1		1				

Y sĩ hạng IV	0						
--------------	---	--	--	--	--	--	--

1.2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Cán bộ quản lý: $3/3 = 100\%$ hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên.

Giáo viên: $28/28 = 100\%$ hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính (Trung tâm)	Bản Huồi Phúc – Noong Luống - xã Thanh Yên – tỉnh Điện Biên	19.241m ²	12240 m ²
2	Điểm trường A1	Thôn Đại Thành – Noong Luống - xã Thanh Yên – tỉnh Điện Biên	3864m ²	3060 m ²
3	Điểm trường Noong Luống	Bản Noong Luống – Noong Luống - xã Thanh Yên – tỉnh Điện Biên	1552m ²	1350 m ²
Tổng cộng			24.640 m ²	16650 m ²

Tất cả các hạng mục công trình có diện tích đều lớn hơn so với quy định ban hành kèm Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2. Các hạng mục khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi...

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Diện tích theo quy định	Số phòng/khu	Diện tích các hạng mục hiện có (ghi rõ diện tích của từng hạng mục hiện có của nhà trường)
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	Tổng diện tích không nhỏ hơn 40m ² /phòng	19	54 m ² /phòng
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	48 m ²
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	48 m ²
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	60 m ²
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	02	54m ²

1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	54 m ²
1.7	Phòng đa chức năng	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	120 m ²
1.8	Nhà đa năng			01	350 m ²
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 54m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường	2	120 m ²
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng		02	66 m ²
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m ² /phòng		01	24 m ²
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m ² /học sinh		01	24 m ²
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	Trường hợp kết hợp với Phòng Đội Thiếu niên, diện tích tối thiểu 54m ² /phòng	0	
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người		0	
3.2	Phòng Y tế trường học	24m ² /phòng		01	12 m ²
3.3	Nhà kho	48m ² /kho		02	90 m ²
3.4	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp	Số lượng xe được tính từ 20% đến 35% tổng số học sinh toàn trường	03	350 m ²
3.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh		04	200 m ²
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh		03	4100 m ²
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh		02	2200 m ²
4.3	Nhà đa năng	-		01	350 m ²

3. Số thiết bị dạy học hiện có

STT	TÊN THIẾT BỊ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	MÔN TIẾNG VIỆT			
1	Bộ mẫu chữ viết	Bộ	5	
2	Bộ chữ dạy tập viết	Bộ	13	
3	Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Bộ	176	
4	Bộ chữ học vần biểu diễn	Bộ	5	
5	Tranh dạy TV 3 T1 = 95 tranh	Bộ	1	
6	Tranh dạy TV 4 = 133 tranh	Bộ	1	

15	1 hình lập phương biểu diễn cạnh 100mm	cái	5	
16	1 hình trụ	cái	5	
17	1 hình cầu	cái	5	
18	Bộ thiết bị dạy dạy đơn vị đo diện tích mét vuông		12	
19	Thiết bị dạy học về thời gian(mô hình đồng hồ)		15	
20	Bộ toán giáo viên lớp 1	Bộ	3	
21	Bảng ni cài	Bộ	22	
22	Bộ toán hs lớp 1	Bộ	129	
23	Bộ đồ dùng học toán và học văn thực hành	Bộ	120	
24	Bộ thực hành toán 5 (ps&hh)	Bộ	230	
25	Bộ thực hành toán 4	Bộ	242	
26	Bộ thực hành toán 3	Bộ	270	
27	Bộ thực hành toán 2	Bộ	134	
28	Bộ toán +TV GV lớp 1	Bộ	1	
29	Bộ toán GV 2	Bộ	7	
30	Bộ toán GV 3	Bộ	6	
31	Bộ toán GV 4	Bộ	8	
32	Cân robecvan	Bộ	7	
33	CD Toán 1	Bộ	3	
34	Thiết bị dạy diện tích(tấm phẳng trong suốt kẻ 1	cái	2	
35	Bộ thiết bị dạy yếu tố xác suất (xúc xắc, 2 đồng x	cái	52	
36	Phần mềm toán học(Hình học và đo lường)	cái	2	
37	Phần mềm toán học(thống kê và xác suất)	cái	2	
	MÔN HĐTN	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản	Bộ	14	
2	Bộ thẻ nét riêng của em	Bộ	14	
3	Bộ thẻ về "sở thích của em" dành cho học sinh lớ	Bộ	2	
4	Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam	Bộ	2	
5	Bộ thẻ các hoạt động trong ngày của em	Bộ	4	
6	Bộ thẻ gia đình em dành cho học sinh lớp 2,3,4,5	Bộ	5	
7	Bộ dụng cụ lao động sân trường cấp Tiểu học	Bộ	5	
8	Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây cảnh DC	Bộ	15	
9	Bộ thẻ về vệ sinh an toàn thực phẩm L3	Bộ	2	
10	Tranh phòng tránh bị lạc, bắt cóc	Bộ	10	

	MÔN MỸ THUẬT	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bảng vẽ cá nhân	cái	93	
2	Gía vẽ 3 chân hoặc chữ A	cái	100	
3	Các hình khối cơ bản	Bộ	6	
4	Màu goat (Gouache color)	kiện	18	
5	CD Mỹ thuật 1	Cái	1	
6	CD Mỹ thuật 3	Cái	1	
7	Tranh mỹ thuật 2	Bộ	1	
8	Tranh dạy mỹ thuật 3	Bộ	3	
9	Tranh dạy Mỹ thuật 4 (7 tờ)	Bộ	2	
10	Tranh thường thức mỹ thuật (22 tờ)	Bộ	1	
11	Kẹp giấy	hộp	8	
12	Bút lông	Bộ	20	
13	Bảng pha màu palet	Cái	35	
14	Xô đựng nước	Cái	35	
15	Tạp dề	Cái	30	
16	Bộ dụng cụ thực hành với đất nặn	Bộ	35	
17	Đất nặn		5	
18	Tranh về màu sắc		2	
19	Bục đặt mẫu	Bộ	2	
20	Tranh các yếu tố và nguyên lý tạo hình 1-5	Bộ	1	
	MÔN ÂM NHẠC	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Trống nhỏ	cái	18	
2	Song loan	Bộ	20	
3	Thanh phách	Cặp	75	
4	Kèn phím	Bộ	42	
5	CD Âm nhạc 1	Cái	4	
6	CD Âm nhạc 2	Cái	5	
7	CD Âm nhạc 3	Cái	8	
8	CD Âm nhạc 4	Cái	7	
9	CD Âm nhạc 5	Cái	3	
10	Tambourine	Cái	3	
11	Đàn Organ gv	Cái	4	
12	Đàn Organ hs	Cái	10	

13	Bells Instrument	Cái	5	
14	Marcas	Cái	5	
15	Woodblock	Cái	3	
16	Handbells	Cái	1	
	MÔN KHOA HỌC	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Hộp đổi lưu(Không khí)	Bộ	2	
2	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	Bộ	4	
3	Hộp thí nghiệm "vai trò của ánh sáng"(ánh sáng)	Bộ	6	
4	Bộ lắp mạch điện đơn giản (Điện)	Bộ	127	
5	Mô hình phát điện sử dụng năng lượng mặt trời, n	Bộ	11	
6	Bộ mẫu tơ sợi	Bộ	20	
7	Tranh dạy khoa học 4 (4 tờ)	Bộ	1	
8	Kính lúp (Năm)	Bộ	5	
9	Nhiệt kế	Bộ	2	
	MÔN GDTC	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Đồng hồ bấm giây	Bộ	12	
2	Còi	Bộ	22	
3	Thước dây	Cái	10	
4	Nắm thể thao	Cái	20	
5	Dây kéo co	Cái	2	
6	Quả bóng đá	Cái	25	
7	Quả bóng rổ	Bộ	15	
8	Quả bóng chuyền	Bộ	26	
9	Vợt bóng bàn	Bộ	4 bộ	
10	Bóng bàn	Bộ	0	
11	Bóng ném cao su	Bộ	40	
12	Cờ đuôi nheo	Bộ	40	
13	Lưới cầu lông	Bộ	4	
14	CD Thể dục 1	Bộ	3	
15	CD Thể dục 2	Sợi	1	
16	CD Thể dục 3	Sợi	1	
17	CD Thể dục 4	Bộ	1	
18	CD Thể dục 5	Bộ	1	
19	Tranh thể dục 2	Bộ	1	

20	Ghế băng thể dục	Bộ	3	
21	Cột, lưới bóng chuyền học sinh	Bộ	1	
22	Cột, bảng bóng rổ	Bộ	1	
23	Trụ cầu lông, lưới, khung sắt	Bộ	1	
24	Ghế băng thể dục	Bộ	3	
25	Cờ lệnh thể thao	Bộ	2	
26	Biển lật số	Cái	1	
27	Bơm	Sợi	1	
28	Dây nhảy cá nhân	Cái	17	
29	Thang chữ A	Bông	1	
30	Hoa	Cái	70	
31	Vòng	Cái	70	
32	Gậy	quả	70	
33	Quả cầu đá	Bộ	55	
34	Cột, lưới đá cầu	Bộ	1	
35	Bàn và quân cờ treo tường	Bộ	1	
36	Cờ vua	Bộ	5	

MÔN CÔNG NGHỆ		ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật	Bộ	417	
2	Bộ dụng cụ cắt khâu thêu 4&5	Bộ	179	
3	Bộ dụng cụ cắt khâu thêu GV 4	Bộ	8	
4	Bộ dụng cụ cắt khâu thêu GV 5	Bộ	9	
5	Tranh thủ công 1	Bộ	1	

MÔN TIN HỌC		ĐVT	SL	Ghi chú
1	Máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay	bộ	60	
2	Bộ dụng cụ sửa chữa máy tính cơ bản	bộ	1	
3	Bàn máy tính	bộ	1	

MÔN LỊCH SỬ ĐỊA LÍ		ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam (dành cho Tiểu h	Bộ	2	
2	Bản đồ hành chính Việt Nam	Bộ	2	
3	Bản đồ các nước và lãnh thổ trên thế giới	Bộ	2	
4	Tranh/ ảnh: Cách mạng tháng Tám năm 1945	Bộ	2	
5	Tranh/ ảnh: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Bộ	2	
6	Tranh/ ảnh: Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975	Bộ	2	

7	Lược đồ chiến thắng Chi Lăng	Bộ	2	
8	Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	Bộ	2	
9	Lược đồ chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	Bộ	2	
10	Bản đồ tự nhiên Trung Quốc	Bộ	2	
11	Bản đồ tự nhiên nước Lào	Bộ	2	
12	Bản đồ tự nhiên nước Campuchia	Bộ	2	
13	Bản đồ hành chính- chính trị Đông Nam Á	Bộ	2	
14	Quả địa cầu tự nhiên	Bộ	8	
15	Mô hình trái đất xoay quanh mặt trời	Bộ	8	
16	Tranh dạy lịch sử 4	Bộ	2	
17	Tranh dạy địa lí 4	Bộ	2	
	MÔN TNXH	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bộ tranh cơ thể người và các giác quan	Bộ	10	
2	Bộ tranh những việc nên làm, không nên làm để p	Bộ	10	
3	Bộ tranh các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Bộ	10	
4	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Bộ	28	
5	CD TNXH 1	Bộ	1	
6	Tranh TNXH	Bộ	1	
7	Tranh cơ quan sinh sản 5	Bộ	2	
8	Mô hình bộ xương	Bộ	1	
9	Mô hình hệ cơ	Bộ	1	
10	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng(bán thân)	Bộ	2	
11	La bàn	Bộ	2	
12	Bộ tranh thể hệ trong gia đình 2,3	Bộ	4	
13	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xh	Bộ	3	
14	Tranh hướng dẫn cách ứng xử khi có cháy xảy ra	Bộ	2	
15	Bộ tranh một số hiện tượng thiên tai t. gặp	Bộ	2	
	MÔN ĐẠO ĐỨC	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bộ tranh yêu thương gia đình	Bộ	14	
2	Bộ tranh về tự giác làm việc của mình	Bộ	14	
3	Bộ tranh về thật thà	Bộ	14	
4	Bộ tranh về sinh hoạt nề nếp	Bộ	14	
5	Bộ tranh về thực hiện nội quy trường lớp	Bộ	14	
6	Bộ tranh về tự chăm sóc bản thân	Bộ	14	

7	Bộ tranh về phòng chống tai nạn thương tích	Bộ	14	
8	CD Đạo đức 1	Bộ	9	
9	CD Đạo đức 5	Bộ	6	
10	Tranh đạo đức lớp 3	Bộ	3	
11	Tranh đạo đức lớp 4(5 tờ)	Bộ	2	
12	Tranh dạy đạo đức 5	Bộ	2	
13	Bộ tranh ảnh về tổ quốc Việt Nam	Bộ	4	
14	Bộ tranh về quan tâm hàng xóm láng giềng lớp 3	Bộ	4	
15	Bộ tranh kính trọng thầy cô giáo	Bộ	2	
16	Bộ tranh quý trọng thời gian 12	Bộ	2	
17	Bộ tranh nhận lỗi và sửa lỗi 12	Bộ	2	
18	Bộ tranh giữ lời hứa 13	Bộ	2	
19	Bộ tranh tuân thủ quy định nơi công cộng 12	Bộ	2	
20	Bộ tranh quê hương 12,3	Bộ	2	
21	Quan tâm chăm sóc 11	Bộ	2	
22	Bộ tranh bảo quản đồ dùng	Bộ	2	
	MÔN NGOẠI NGỮ	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Thiết bị cho học sinh(khối điều khiển, tai nghe, k	Bộ	30	
2	Khối thiết bị điều khiển của giáo viên	Bộ	2	
3	Phụ kiện	Bộ	2	
4	Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Bộ	2	
5	Bàn ghế dành cho học sinh	Bộ	30	
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Bảng nhóm	Cái	28	
2	Bảng phụ	Cái	4	
3	Tủ/ giá đựng thiết bị	Cái	42	
4	Nẹp treo tranh	Cái	253	
5	Giá treo tranh	Cái	5	
6	Đầu đĩa	Bộ	3	
7	Loa cầm tay	Cái	7	
8	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	28	
9	Máy chiếu vật thể	Cái	9	
10	Máy in	Cái	5	
11	Máy trợ giảng	Cái	3	

12	Nam châm	viên	60	
13	Cân điện tử	Cái	1	
14	Đài Radio catsset	Cái	2	
15	Loa hội trường sân khấu ngoài trời	Bộ	2	
16	Tăng âm hội trường sân khấu ngoài trời	Bộ	1	
17	Dây loa hội trường	mét	30m	
18	Rắc loa	Bộ	2	
19	Bộ micro điện tử không dây	Bộ	1	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1

STT	Tên sách	Tổng số	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Toán	7	Cuốn	HHC
2	Âm nhạc	9	Cuốn	HHC
3	TNXH	8	Cuốn	HHC
4	Tập viết T1	1	Cuốn	HHC
5	Tập viết T2	7	Cuốn	HHC
6	VBT TV T1	4	Cuốn	HHC
7	VBT Đ Đ	4	Cuốn	HHC
8	Đạo đức	68	Cuốn	KNTT
9	TNXH	71	Cuốn	KNTT
10	Tiếng việt T1	70	Cuốn	KNTT
11	Tiếng việt T2	70	Cuốn	KNTT
12	Toán T1	70	Cuốn	KNTT
13	Toán T2	70	Cuốn	KNTT
14	Tiếng Anh	3	Cuốn	
15	GDTC	57	Cuốn	KNTT
16	HĐTN	60	Cuốn	KNTT
17	HĐTN	3	Cuốn	Cánh diều
18	Âm nhạc	2	Cuốn	Cánh diều
19	GDTC	9	Cuốn	Cánh diều
20	HĐTN	1	Cuốn	(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)
21	Âm nhạc	1	Cuốn	(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)
22	Mỹ thuật	1	Cuốn	(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)
23	Tiếng việt T1	1	Cuốn	(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)
24	Tiếng việt T2	1	Cuốn	(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)
25	Đạo đức	1	Cuốn	(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)
26	Toán tl	1		(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)

27	Toán T2	1		(Sách lưu hành nội bộ vì sự dân chủ, bình đẳng trong GD)
28	HDTN	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
29	Âm nhạc	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
30	Mỹ thuật	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
31	Tiếng việt T1	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
32	Tiếng việt T2	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
33	Đạo đức	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
34	Toán T1	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
35	Toán T2	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
36	TNXH	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
37	GDTC	1		(Sách lưu hành nội bộ cùng học để phát triển năng lực)
38	Âm nhạc	65		KNTT
39	Mỹ thuật	70		KNTT
40	Tập viết 1 T1	8	Cuốn	KNTT
41	Tập viết 1 T2	8	Cuốn	KNTT
42	Tiếng anh 1 (English D	5	Cuốn	
43	BT Tiếng anh 1 (Engli	5	Cuốn	
44	Đạo đức 1	6	Cuốn	CTST
45	Tự nhiên xã hội 1	6	Cuốn	CTST
46	Toán 1	6	Cuốn	CTST
47	Tiếng việt 1 T1	6	Cuốn	CTST
48	Tiếng việt 1 T2	6	Cuốn	CTST
49	Giáo dục thể chất 1	6	Cuốn	CTST
50	Mỹ thuật 1	6	Cuốn	CTST
51	Hoạt động trải nghiệm	6	Cuốn	CTST

52	Âm nhạc 1	6	Cuốn	CTST
53	Tên sách: Tiếng anh 1(	2	Cuốn	
54	Tiếng anh 1(I-learn sm	2	Cuốn	
Tổng		830	Cuốn	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

STT	Tên sách	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	TNXH L2	70	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 2 T1	71	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
3	Tiếng việt 2 T2	71	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
4	Toán 2 T1	71	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
5	Toán 2 T2	71	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 2	70	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 2	70	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
8	Mỹ thuật 2	62	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm	70	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
10	GDTC L2	68	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
11	Tiếng anh 2 (English D	13	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
12	BT Tiếng anh 2 (Engli	13	Cuốn	(Tri thức với cuộc sống)
13	Tăng cường TV L2	1	Cuốn	HHC
14	Tiếng việt 2 T1	1	Cuốn	HHC
15	Tiếng việt 2 T2	1	Cuốn	HHC

16	Toán 2 T1	1	Cuốn	HHC
17	Toán 2 T2	1	Cuốn	HHC
18	Tự nhiên xã hội 2	6	Cuốn	CTST
19	Toán 2 T1	6	Cuốn	CTST
20	Toán 2 T2	6	Cuốn	CTST
21	Tiếng việt 2 T1	6	Cuốn	CTST
22	Tiếng việt 2 T2	6	Cuốn	CTST
23	Đạo đức 2	6	Cuốn	CTST
24	Âm nhạc 2	6	Cuốn	CTST
25	Mỹ thuật 2	6	Cuốn	CTST
26	Hoạt động trải nghiệm	6	Cuốn	CTST
27	Giáo dục thể chất 2	6	Cuốn	CTST
28	Tiếng anh 2(I-learn sm	2	Cuốn	
29	Tiếng anh 2(I-learn sn	2	Cuốn	
Tổng		789	Cuốn	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3				
STT	Tên sách	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	TNXH L3	1	Cuốn	HHC
2	Tin học Q1	1	Cuốn	
3	BT Tin học Q1	8	Cuốn	
4	Tiếng việt 3 T2	1	Cuốn	
5	Tiếng anh 3 (I leam s	7	Cuốn	
6	Tiếng anh 3 T1	5	Cuốn	
7	Tiếng anh 3 T2	7	Cuốn	
8	SBT Tiếng Anh 3	2	Cuốn	

9	Tiếng Việt 3 T1	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
10	Tiếng Việt 3 T2	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
11	Toán 3 T1	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
12	Toán 3 T2	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
13	Công nghệ 3	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
14	Tự nhiên xã hội 3	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
15	Mỹ thuật 3	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
16	Tin học 3	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
17	Hoạt động trải nghiệm	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
18	Âm nhạc 3	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
19	Đạo đức	1	Cuốn	(Cánh điều bản mẫu)
20	Tiếng việt 3 -Tập 1	71	Cuốn	Kết nối tri thức
21	Tiếng việt 3 -Tập 2	70	Cuốn	Kết nối tri thức
22	Toán 3- Tập 1	78	Cuốn	Kết nối tri thức
23	Toán 3- Tập 2	73	Cuốn	Kết nối tri thức
24	Tự nhiên xã hội 3	70	Cuốn	Kết nối tri thức
25	Đạo đức 3	70	Cuốn	Kết nối tri thức
26	Âm nhạc 3	70	Cuốn	Kết nối tri thức
27	Mỹ thuật 3	70	Cuốn	Kết nối tri thức
	Hoạt động trải nghiệm	70	Cuốn	Kết nối tri thức
	Giáo dục thể chất 3	70	Cuốn	Kết nối tri thức
	Tin học 3	70	Cuốn	Kết nối tri thức

	Công nghệ 3	70	Cuốn	Kết nối tri thức
	Tập viết T1	16	Cuốn	Kết nối tri thức

	Tập viết T2	16	Cuốn	Kết nối tri thức
	Tiếng Anh 3(I-Learn S	5	Cuốn	
	BT Tiếng Anh 3 (I- L	5	Cuốn	
	Tiếng việt 3 T1	6	Cuốn	CTST
	Tiếng việt 3 T2	6	Cuốn	CTST
	Toán 3 T1	6	Cuốn	CTST
	Toán 3 T2	6	Cuốn	CTST
	Tự nhiên xã hội 3	6	Cuốn	CTST
	Đạo đức 3	6	Cuốn	CTST
	Mỹ thuật 3	6	Cuốn	CTST
	Hoạt động trải nghiệm	6	Cuốn	CTST
28	Giáo dục thể chất 3	6	Cuốn	CTST
29	Tin học 3	6	Cuốn	CTST
30	Công nghệ 3	6	Cuốn	CTST
31	Âm nhạc 3	6	Cuốn	CTST
Tổng		1009	Cuốn	

DANH MỤC SÁCH GIAO KHOA LỚP 4

STT	Tên sách	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Lịch sử địa lí L4	1	Cuốn	HHC
2	Tin học Q2	10	Cuốn	HHC
3	BT Tin học Q2	3	Cuốn	HHC
4	Vở TH Tin học 4	1	Cuốn	HHC
5	Tiếng anh 4 T1	5	Cuốn	HHC
6	Tiếng anh 4 T2	4	Cuốn	HHC
7	VBT Toán 4 T1	2	Cuốn	HHC
8	VBT Toán 4 T2	1	Cuốn	HHC

9	BT Toán 4	2	Cuốn	HHC
10	VBT TV 4 T2	1	Cuốn	HHC
11	TH Âm nhạc 4	2	Cuốn	HHC
12	Tập viết 4 T2	1	Cuốn	HHC
13	Khoa học 4	1	Cuốn	HHC
14	Toán 4	2	Cuốn	HHC
15	SBT Tiếng anh 4	10	Cuốn	

16	Tiếng Anh 4(I-LEARN	11	Cuốn	
17	Tiếng Anh 4(I-LEARN	11	Cuốn	
18	Toán 4 T1	66	Cuốn	KNTT
19	Toán 4 T2	66	Cuốn	KNTT
20	Tiếng việt 4 T1	66	Cuốn	KNTT
21	Tiếng việt 4 T2	66	Cuốn	KNTT
22	Công nghệ 4	66	Cuốn	KNTT
23	Tin học 4	66	Cuốn	KNTT
24	Khoa học 4	66	Cuốn	KNTT
25	Đạo đức 4	66	Cuốn	KNTT
26	Mỹ thuật 4	66	Cuốn	KNTT
27	Âm nhạc 4	66	Cuốn	KNTT
28	Hoạt động trải nghiệm	66	Cuốn	KNTT
29	Giáo dục thể chất	66	Cuốn	KNTT
30	LSDL 4	66	Cuốn	KNTT
31	Tiếng Anh 4- I- Learn	12	Cuốn	
32	BT Tiếng Anh 4(I - Le	5	Cuốn	
33	Toán 4 T1	6	Cuốn	CTST
34	Toán 4 T2	6	Cuốn	CTST
35	Tiếng Việt 4 T1	6	Cuốn	CTST

36	Tiếng Việt 4 T2	6	Cuốn	CTST
37	Công nghệ 4	6	Cuốn	CTST
38	Tin học 4	6	Cuốn	CTST
39	Khoa học 4	6	Cuốn	CTST
40	Đạo đức 4	6	Cuốn	CTST
41	Mỹ thuật 4	6	Cuốn	CTST
42	Âm nhạc	6	Cuốn	CTST
43	Hoạt động trải nghiệm	6	Cuốn	CTST
44	Giáo dục thể chất 4	6	Cuốn	CTST
45	Lịch sử và địa lí 4	6	Cuốn	CTST
Tổng số		1021	Cuốn	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

STT	Tên sách	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	BT Tin học Q3	1	Cuốn	HHC
2	BT Toán 5	3	Cuốn	HHC
3	Mỹ thuật 5	1	Cuốn	HHC

4	Tiếng việt 5 T1	1	Cuốn	HHC
5	Tiếng việt 5 T2	3	Cuốn	HHC
6	VBT Toán 5 T2	1	Cuốn	HHC
7	Toán 5	1	Cuốn	HHC
8	Âm nhạc 5	1	Cuốn	HHC
9	TH Âm nhạc 5	1	Cuốn	HHC
10	Kỹ thuật 5	5	Cuốn	HHC
11	VBT Đạo đức 5	3	Cuốn	HHC
12	Tiếng anh 5 T1	9	Cuốn	
13	Tiếng anh 5 T2	13	Cuốn	

14	SBT Tiếng anh 5	2	Cuốn	
15	Toán 5 t1	10	Cuốn	KNTT
16	Toán 5 t2	10	Cuốn	KNTT
17	Tiếng việt 5 T1	10	Cuốn	KNTT
18	Tiếng việt 5 T2	10	Cuốn	KNTT
19	Công nghệ 5	10	Cuốn	KNTT
20	GDTC 5	10	Cuốn	KNTT
21	Đạo đức 5	9	Cuốn	KNTT
22	Tin học 5	9	Cuốn	KNTT
23	Mỹ thuật 5	9	Cuốn	KNTT
24	Lịch sử & Địa lí	10	Cuốn	KNTT
25	Âm nhạc 5	9	Cuốn	KNTT
26	Khoa học 5	9	Cuốn	KNTT
27	Hoạt động trải nghiệm	10	Cuốn	KNTT
28	Toán 5 t1	1	Cuốn	CTST
29	Toán 5 t2	1	Cuốn	CTST
30	Tiếng việt 5 T1	1	Cuốn	CTST
31	Tiếng việt 5 T2	1	Cuốn	CTST
32	Công nghệ 5	1	Cuốn	CTST
33	Tin học 5	1	Cuốn	CTST
34	Khoa học 5	1	Cuốn	CTST
35	Đạo đức 5	1	Cuốn	CTST
36	Mỹ thuật 5 bản 1	1	Cuốn	CTST
37	Mỹ thuật 5 bản 2	1	Cuốn	CTST
38	Âm nhạc 5	1	Cuốn	CTST
39	Hoạt động trải nghiệm	1	Cuốn	CTST
40	Hoạt động trải nghiệm	1	Cuốn	CTST
41	GDTC 5	1	Cuốn	CTST
42	LS&ĐL 5	1	Cuốn	CTST
Tổng		185	Cuốn	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: *Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của quy định kèm theo thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.*
- Mức độ đạt kiểm định: Trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 14 tháng 4 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2030

2. Danh mục các tiêu chuẩn được kiểm định

TT	Tên tiêu chuẩn	Kết quả kiểm định
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý	Đạt mức 3
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	Đạt mức 3
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	Đạt mức 3
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	Đạt mức 3
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	Đạt mức 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ tuyển sinh trẻ 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%
2	Tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường	100%	100%

Tổng số học sinh theo từng khối lớp

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS khuyết tật	Số HS chính sách
1	4	92	45	46	22	92	1	6

2	4	91	46	64	33	91	0	13
3	4	94	41	56	24	94	3	16
4	3	94	57	61	37	94	1	6
5	4	106	46	58	29	106	1	5
Tổng	19	477	235	285	145	477	6	46

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT; số lượng học sinh lên lớp, HS không được lên lớp (Có biểu chất lượng kèm theo)

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học:

$$107/107 \text{ HS} = 100\%$$

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

- Dự toán được giao trong năm: 12.248.836.882 đồng, trong đó:

- Số kinh phí thực nhận trong năm: 12.234.572.404 đồng

- Kinh phí quyết toán: 12.234.572.404 đồng;

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 14.264.478 đồng, bao gồm:

- Kinh nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 205.017.003 đồng, trong đó:

- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 - 2025: 205.017.003 đồng;

- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 - 2025: 34.860.000 đồng;

- Kinh phí tài trợ Quỹ trò nghèo vùng cao : 382.080.000đ

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 95 đội viên mới trong năm học.

- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”, ...

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 52, toàn trường chọn gửi 83 bức thư về BTC.

- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

- + CB, GV, NV ủng hộ các loại quỹ năm học 2024- 2025: được 19.530.000 đồng.

- + Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.